

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 217/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2020.

V/v tranh chấp: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thanh**

2. Ông **Lê Thanh Nghị**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Đoàn Khắc Huy** - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐST- HNGĐ ngày 09/07/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN MINH H** – sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang.

Tạm trú: số *, đường số *, phường *, quận G, TP. Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: **LÊ THỊ KIM T** – sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Minh H trình bày: anh và chị Lê Thị Kim T cưới nhau vào năm 2003, có sự tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh và chị T sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống chung kéo dài đến năm

2017 thì anh và chị T sống ly thân cho đến nay. Nay anh H yêu cầu xin ly hôn với chị T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Minh Trung T - sinh ngày 04/01/2004. Hiện cháu T đang sống với chị T. Khi ly hôn anh yêu cầu giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn chị Lê Thị Kim T trình bày: thống nhất như lời trình bày của anh Nguyễn Minh H về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống. Nay anh H xin ly hôn, chị T đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Minh Trung T - sinh ngày 04/01/2004. Hiện cháu T đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Nguyễn Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị T; về con chung: anh đồng ý giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Trung T - sinh ngày 04/01/2004, anh không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn chị Lê Thị Kim T đồng ý ly hôn với anh H; về con chung: chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh H. Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Minh H và chị Lê Thị Kim T; về con chung: giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Trung T - sinh ngày 04/01/2004 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh H là không có cơ sở. Vì anh Nguyễn Minh H và chị Lê Thị Kim T cưới nhau vào năm 2003, được sự tự nguyện, không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa anh H và chị T từ năm 2003 cho đến năm 2017 mà anh H, chị T cũng không đăng ký kết hôn nên mối quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, mà cần tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: anh H và chị T thống nhất để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Trung T - sinh ngày 04/01/2004. Xét sự thỏa thuận này của anh H và chị T là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: không có.

[5] Về nợ chung: không có

[6] Về án phí: do anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Minh H.

Tuyên bố anh Nguyễn Minh H và chị Lê Thị Kim T không phải là vợ chồng.

- Về con chung: giao cho chị Lê Thị Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Trung T - sinh ngày 04/01/2004 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Nguyễn Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Minh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: anh Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo

biên lai thu số 0016600 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy anh H đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh